

Đánh giá thực trạng thực hiện nguyên tắc kế toán thận trọng tại các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam

 Ths.NCS. Nguyễn Thị Bích Thủy*

Nhận: 10/5/2018

Biên tập: 18/5/2018

Duyệt đăng: 29/5/2018

Hiện nay trên thế giới có khá nhiều nghiên cứu xem xét và đánh giá về việc thực hiện nguyên tắc thận trọng kế toán (NTTTKT) – một trong những nguyên tắc kế toán cơ bản được áp dụng tại Việt Nam cũng như nhiều quốc gia trên thế giới. Vậy thực trạng áp dụng nguyên tắc này trong các công ty niêm yết (CTNY) trên thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam là như thế nào? Nền sử dụng yếu tố nào để đo lường hay đánh giá việc thực hiện NTTTKT trong doanh nghiệp (DN)?

TỪ KHÓA: Nguyên tắc thận trọng kế toán, công ty niêm yết

NTTTKT là một trong các nguyên tắc kế toán chung được thừa nhận rộng rãi tại Việt Nam, cũng như nhiều quốc gia trên thế giới. Việc thực hiện đầy đủ và đúng nguyên tắc này trong quá trình hạch toán kế toán cũng như trong lập báo cáo tài chính (BCTC), sẽ đảm bảo cho việc DN cung cấp thông tin tài chính một cách hữu ích cho người sử dụng thông tin. Vậy thực trạng áp dụng nguyên tắc này trong các CTNY trên TTCK Việt Nam là như thế nào? Nền sử dụng yếu tố nào để đo lường hay đánh giá việc thực hiện nguyên tắc thận trọng trong DN?

NTTTKT và phương pháp đánh giá việc thực hiện nguyên tắc này trong các DN

Cho đến thời điểm hiện nay, chưa có một định nghĩa thống nhất nào về khái niệm NTTTKT hay về tính thận trọng trong kế toán. So với các nội dung và chủ đề khác trong kế toán thì thận trọng

kế toán là chủ đề mang tính lý thuyết trừu tượng cao, giải thích về nó chưa thực sự rõ ràng và được chấp nhận rộng rãi trên toàn thế giới. IASB đã giải thích về NTTTKT như sau: "Là một mức độ cẩn trọng trong quá trình thực hiện các phán đoán được đòi hỏi khi đưa ra các ước tính cần thiết trong điều kiện không chắc chắn, ví dụ như tài sản hoặc thu nhập thì không được phóng đại nhưng nợ phải trả hoặc chi phí thì không được giảm bớt" (IASB, 1989, trang 37).

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 "chuẩn mực chung" (Ban hành và công bố theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC, ngày 31/12/2002, của Bộ trưởng, Bộ Tài chính), thận trọng là một trong các nguyên tắc kế toán cơ bản với nội dung: "Thận trọng là việc xem xét, cân nhắc, phán đoán cần thiết để lập các ước tính kế toán trong các điều kiện không chắc chắn". Theo đó, nguyên tắc thận trọng đòi hỏi DN phải: a/ Phải lập các khoản dự phòng nhưng không lập quá lớn; b/ Không đánh giá cao hơn giá trị của các tài sản và các khoản thu nhập; c/ Không đánh giá thấp hơn giá trị của các khoản nợ phải trả và chi phí; d/ Doanh thu và thu nhập chỉ được ghi nhận khi có bằng chứng chắc chắn về khả năng thu được lợi ích kinh tế, còn chi phí phải được ghi nhận khi có bằng chứng về khả năng phát sinh chi phí. Như vậy, nội dung cơ bản của nguyên tắc thận trọng là: Các ghi chép và báo cáo kế toán phải dựa trên cơ sở, xem xét ảnh hưởng của các yếu tố chưa chắc chắn nhưng có thể làm sai lệch thông tin tài chính và kết quả hoạt động

của DN. Do đó, để thực hiện các ghi chép và báo cáo kế toán, DN cần dự báo được các yếu tố trên trong tương lai gần (12 tháng) tính từ thời điểm ghi chép và lập báo cáo kế toán, dựa trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn.

Việc vận dụng đúng và đầy đủ nguyên tắc thận trọng, sẽ đáp ứng yêu cầu "hữu ích" của thông tin ghi chép và báo cáo kế toán - báo cáo kế toán phải phản ánh trung thực tình hình tài chính và kết quả hoạt động của DN. Việc vận dụng nguyên tắc thận trọng, sẽ đảm bảo cho báo cáo kế toán không phản ánh quá khả quan tình hình tài chính và kết quả hoạt động của DN so với hiện trạng, đồng thời đảm bảo sự an toàn tài chính và kết quả hoạt động trước những rủi ro có thể xảy ra trong tương lai. Như vậy, nếu DN không áp dụng NTT - TKT thì sẽ xảy ra tình huống DN gặp rủi ro trong tương lai mà không được dự báo từ trước - mặc dù nhà quản lý DN biết trước điều này. Ngược lại, nếu DN lạm dụng việc thực hiện nguyên tắc này thì nguyên tắc này sẽ trở thành một công cụ để DN điều chỉnh lợi nhuận. Ví dụ như, DN ước tính chi phí tương lai quá cao vào thời điểm hiện tại thì sẽ làm giảm lợi nhuận hiện hành.

Trong thực tế, các hoạt động thể hiện DN đã thực hiện nguyên tắc thận trọng gồm: Thực hiện trích lập các khoản dự phòng (giảm giá hàng tồn kho, nợ phải thu, nợ phải trả), thực hiện trích trước chi phí sửa chữa tài sản cố định, trích trước tiền lương nghỉ phép,...

* Khoa Kinh tế - Đại học Vinh

Vậy làm thế nào để đánh giá việc thực hiện nguyên tắc thận trọng trong các DN? Theo các nghiên cứu trước đây về thận trọng kế toán (accounting conservatism), các tác giả đưa ra nhiều phương pháp để đo lường việc thực hiện nguyên tắc này trong các công ty. Mỗi phương pháp đo lường đều có ưu và nhược điểm riêng. Trong nghiên cứu này, tác giả sử dụng phương pháp đo lường việc thực hiện nguyên tắc thận trọng theo nghiên cứu của Givoly và Hayn (2000), được phát triển trong nghiên cứu của Ahmed và Duellman (2007). Theo đó, biến đại diện cho việc thực hiện nguyên tắc thận trọng trong các DN (CON-ACC) chính là tổng giá trị dồn tích, được xác định theo công thức:

$$CON-ACC_{i,t} = \frac{\sum_{s=t-3}^t \frac{LN_{i,t+s} + KH_{i,t+s} - CFO_{i,t+s}}{TSBq_{i,t+s}}}{3} \times (-1) \quad (-1)$$

Trong đó:

CON-ACC_{i,t}: Biến đại diện cho mức độ thực hiện NTT-TKT của DN i trong năm n

LN_{i,t}: Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (lợi nhuận

thuần trước các khoản bất thường khác) của DN i cuối năm t

KH_{i,t}: Chi phí khấu hao của DN i cuối năm t

CFO_{i,t}: Dòng tiền (lưu chuyển tiền) thuần từ hoạt động kinh doanh của DN i cuối năm t

TSBq: Giá trị tài sản DN i bình quân trong năm t

Giá trị CON-ACC > 0 biểu thị cho mức độ thực hiện NTT-TKT trong DN là cao.

Bản chất của phương pháp này là xác định phần tổng giá trị dồn tích (trước khấu hao), được tính bằng chênh lệch giữa lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (mã số 30 trên bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh) được lập trên nguyên tắc cơ sở dồn tích với lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh (mã số 01 trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ) được lập trên nguyên tắc cơ sở tiền cộng với chi phí khấu hao. Do thực tế của việc áp dụng NTTTKT là DN sẽ thực hiện trích lập dự phòng, trích trước, làm ảnh hưởng đến chi phí và lợi nhuận thuần, trong khi đó những hoạt động này không ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền. Chính vì vậy, phần giá trị chênh lệch được sử dụng làm đại diện cho việc đánh giá mức độ DN thực hiện NTTTKT. Theo nghiên cứu của Givoly và Hayn (2000) giá trị dồn tích trung bình qua các thời kỳ có xu hướng ngày càng âm, thể hiện mức độ áp dụng NTTTKT ngày càng cao. Để tránh sự tác động của bất cứ giá trị dồn tích đột biến tại một thời điểm nào đó, Ahmed và Duellman (2007) đã lấy trung bình trượt 3 năm quanh thời điểm t. Giá trị dồn tích trung bình được nhân với (-1) để thuận tiện cho việc đánh giá, khi đó giá trị CON-ACC dương hoặc càng tiến tới 0 thì càng cho thấy mức độ cao trong việc thực hiện nguyên tắc thận trọng tại các DN.

Đánh giá việc thực hiện NTTTKT tại các CTNY trên TTCK Việt Nam

Tác giả tiến hành khảo sát và đánh giá việc thực hiện NTTTKT tại các CTNY trên TTCK Việt Nam. Do đặc thù của các DN ngành tài chính và bảo hiểm nên tác giả chỉ tiến hành khảo sát tại các công ty phi tài chính trong khoảng thời gian 7 năm (từ 2010 đến 2016). Lý do tác giả lựa chọn khoảng thời gian này là vì từ năm 2010 nền kinh tế Việt Nam bắt đầu bước qua giai đoạn khủng hoảng, TTCK bắt đầu ổn định trở lại sau cú sốc bong bóng năm 2008. Đặc biệt từ năm 2010, có hai văn bản quan trọng ảnh hưởng đến NTTTKT và các CTNY bắt đầu có hiệu lực: Thông tư 228/2009/TT-BTC, ngày 07/12/2009, có hiệu lực từ 21/01/2010 "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại DN" và Thông tư 244/2009/TT-BTC, ngày 31/12/2009, có hiệu lực từ 01/01/2010, Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán DN.

Từ năm 2010 - 2016, có 682 công ty phi tài chính niêm yết trên TTCK Việt Nam. Tuy nhiên, có nhiều DN bị khuyết dữ liệu cần thiết của nghiên cứu, cụ thể như Bảng 1.

Dữ liệu mà nghiên cứu sử dụng là nguồn dữ liệu thứ cấp, các thông tin trên BCTC sau kiểm toán mà các công ty công bố. Với những công ty bị khuyết các thông tin bắt buộc theo quy định của sở GDCK hoặc thiếu các thông tin trong công thức (1) thì tác giả sẽ loại ra khỏi mẫu nghiên cứu. Giá trị CON-ACC được tính toán từ công thức (1) sẽ đại diện cho mức độ thực hiện NTTTKT tại các DN. Giá trị này càng lớn thì thể hiện việc các DN có mức độ áp dụng NTTTKT cao.

Tác giả tiến hành tính giá trị CON-ACC của từng DN trong mẫu nghiên cứu theo năm, từ 2010 - 2016, theo công thức (1): Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh, cộng với chi phí khấu hao, trừ đi lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh, chia cho tài sản bình quân, lấy trung bình trượt 3 năm quanh thời điểm t, sau đó nhân với (-1). Để đánh giá được xu hướng thực hiện nguyên tắc thận trọng của các DN qua các năm, tác giả tiến hành tính giá trị CON-ACC trung bình cho các DN theo ngành qua từng năm (thể hiện trong Bảng 2 và Đồ thị 1, trang 59).

Qua dữ liệu về mức độ trung bình giá trị dồn tích của các ngành, qua 7 năm, từ 2010-2016. Cho thấy, các DN niêm yết

Bảng 1: Số lượng DN trong mẫu nghiên cứu

Số lượng DN niêm yết trên TTCKVN từ 2010-2016	682
DN thiếu dữ liệu bắt buộc	124
DN thiếu dữ liệu cần thiết của nghiên cứu	22
Số DN trong mẫu nghiên cứu	536
Trong đó phân loại theo ngành cấp 1	
Sản xuất	185
Xây dựng và bất động sản	153
Dịch vụ	88
Thương mại	55
Khai khoáng	31
Công nghệ và thông tin	24

trên TTCK Việt Nam chưa thực sự tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Giá trị dồn tích trung bình của tất cả DN được phân theo ngành nghề cấp 1 đều có giá trị dương (>0) (giá trị CON-ACC đại diện cho mức độ thực hiện nguyên tắc thận trọng <0). Trong đó, ngành khai khoáng và sản xuất có giá trị CON-ACC trung bình thấp hơn so với các ngành còn lại.

Điều này được thể hiện qua thực tế, từ năm 2010-2016, rất nhiều CTNY có sự chênh lệch lợi nhuận trước và sau kiểm toán, mà nguyên nhân xuất phát từ việc DN không tiến hành trích lập các khoản dự phòng như: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng nợ khó đòi hay dự phòng giảm giá đầu tư tài chính. Ví dụ: trong số các công ty bị giảm lợi nhuận chóng mặt sau kiểm toán năm 2010, Công ty Cổ phần Tập đoàn Sara (SRB) đứng đầu, với tỷ lệ hơn 60%. Lợi nhuận sau thuế của SRB chỉ còn 1,4 tỷ đồng, so với trên 3,7 tỷ đồng trước đó. Một trong những nguyên nhân chính dẫn tới chênh lệch được kiểm toán đưa ra là việc trích lập dự phòng các khoản đầu tư dài hạn, công nợ chưa được đối chiếu đầy đủ... Thậm chí, có trường hợp chuyển từ lãi thành lỗ không thể tin nổi, như trường hợp Công ty Cổ phần Hàng hải Đông Đô, lợi nhuận sau thuế năm 2010 trước kiểm toán là 473,6 triệu, nhưng theo BCTC sau kiểm toán bị lỗ đến 74,3 tỷ đồng. Thậm chí, có công ty chỉ trích lập dự phòng ngắn hạn mà không trích lập dự phòng dài hạn. Việc làm lơ đi các khoản mục quan trọng này, đã khiến nhiều nhà đầu tư tưởng rằng công ty làm ăn có lãi nhưng rất có thể đây là "lời ảo, lộ thật".

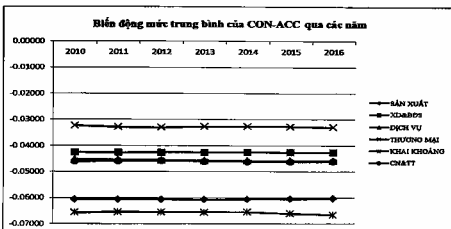
Chỉ tính từ năm 2012 đến nửa đầu năm 2015, đã có hơn 40 CTNY phải công bố lại BCTC sau kiểm toán, trong đó có hơn một nửa nguyên nhân là do việc không tuân thủ NTTTKT. Qua số liệu của 20 DN có LNST công ty mẹ biến động liên tục sau kiểm toán. Từ năm 2012-2015 cho thấy, rất ít trường hợp điều chỉnh tăng lợi nhuận, mà nguyên nhân chủ yếu của việc phải điều chỉnh giảm lợi nhuận đó là: Không tuân thủ NTTTKT (không trích lập dự phòng,

Bảng 2: Giá trị dồn tích (CON-ACC) trung bình của các DN theo ngành qua từng năm

	Sản xuất	XD&BS	Dịch vụ	Thương mại	Khai khoáng	CN&TT
2010	-0.06059	-0.04251	-0.04523	-0.03231	-0.06661	-0.04806
2011	-0.06059	-0.04280	-0.04533	-0.03283	-0.06538	-0.04582
2012	-0.06060	-0.04250	-0.04555	-0.03298	-0.06651	-0.04566
2013	-0.06064	-0.04251	-0.04569	-0.03268	-0.06559	-0.04597
2014	-0.06061	-0.04252	-0.04576	-0.03271	-0.06550	-0.04617
2015	-0.06050	-0.04264	-0.04579	-0.03277	-0.06612	-0.04620
2016	-0.06033	-0.04264	-0.04594	-0.03297	-0.06652	-0.04606

(Nguồn: Tác giả tự tính toán)

Đồ thị 1: Đồ thị biểu diễn sự biến động trung bình của CON-ACC



Bảng 3: Top 20 DN có LNST cổ đông công ty mẹ biến động liên tục sau kiểm toán qua nhiều năm (ĐVT: Triệu đồng)

Mã CK	2012		2013		2014		4T2015	
	Sau kiểm toán	tăng/giảm	Sau kiểm toán	tăng/giảm	Sau kiểm toán	tăng/giảm	Sau soát xét	tăng/giảm
OGC	83.337	29.005	55.381	(50.206)	(2.211.250)	(2.611.642)	(32.750)	(26.467)
OCH	96.054	(2.990)	125.000	(7.296)	(676.233)	(903.219)	(78.439)	(26.169)
GTT	1.161	(41)	700	(378)	(106.622)	(187.270)	(57.165)	77
PVX	(1.338.391)	(250.601)	(1.622.732)	487.283	15.434	(102.668)	6.927	(9.021)
HVG	260.430	(81.842)	247.937	75.499	290.553	(61.254)	7.345	24.960
TTF	2.406	(9.498)	3.865	(3.149)	70.820	(42.243)	129.856	(6.834)
SHB	26.036	(955)	849.742	92.328	790.588	(27.800)	371.275	
SGV	(255.359)	(10.481)	161	(4.581)	28.857	(23.911)	13.720	0
OCG	7.780	(2.025)	14.785	8.162	32.858	(23.622)	4.485	214
VLF	7.590	2.055	(10.127)	(713)	(62.620)	(19.549)	(1.761)	0
WCS	7.488	(851)	1.767	(1.731)	(17.235)	(17.503)	(42.990)	(28.790)
VSH	273.058	(6.09)	197.395	(1.449)	359.272	(16.970)	172.688	
CMX	2.817	(3.904)	(126.673)	1.123	7.267	(16.632)	15.533	3.260
SPM	64.739	(228)	17.504	(2.627)	35.700	(14.877)	17.428	(1.822)
BTP	135.340	11.173	55.921	(15.404)	133.513	(14.600)	(45.040)	0
ATA	4.968	(520)	321	0	(14.401)	(14.588)	(49.568)	(14.990)
SMC	68.578	9.806	26.959	(2.369)	19.399	(12.447)	(201.953)	(20.514)
DQC	49.040	(3.266)	121.266	24.495	236.594	(11.731)	101.866	0
HA	32.975	15.013	87.230	42.121	144.363	(11.506)	113.354	(2.202)
CTA	(6.946)	(6.586)	328	309	(2.255)	(10.624)	876	(23)

(Nguồn: Vietstock Finance)

ghi nhận doanh thu quá cao, không tính trước chi phí dự kiến), ghi nhận doanh thu và chi phí không đúng kỳ.... (Bảng 3, trang 59).

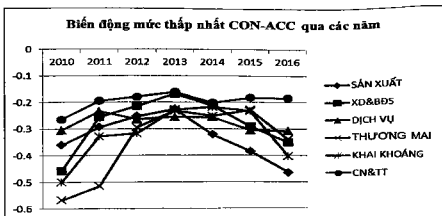
Để thấy được rõ hơn mức độ thực hiện nguyên tắc thận trọng của các DN và so sánh giữa từng ngành, tác giả tiến hành phân tích mức độ biến động thấp nhất và cao nhất của giá trị đại diện cho việc thực hiện NTTTKT (CON-ACC). Với hai giá trị này, ngành thương mại và khai khoáng có sự biến thiên mạnh nhất qua các năm, cho thấy các DN trong hai ngành này áp dụng NTTTKT rất khác nhau. Năm 2010 và 2016 là hai năm có mức độ biến thiên của CON-ACC cao nhất. Một số DN ngành thương mại có mức độ áp dụng NTTTKT khá cao, như công ty CMV (Công ty CP thương nghiệp Cà Mau) trong các năm từ 2010-2015 có mức trích lập dự phòng phải thu khó đòi ở mức cao (1,6 tỷ năm 2010 tăng dần qua các năm và năm 2015 là hơn 13 tỷ)... (Đồ thị 2, Đồ thị 3).

Một số kiến nghị rút ra từ thực trạng đo lường và đánh giá việc thực hiện NTTTKT tại các CTNY

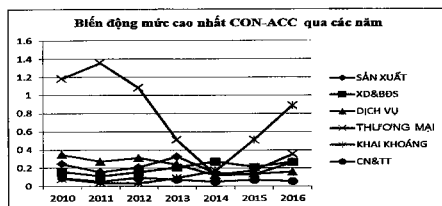
Qua số liệu tính toán biến đại diện cho việc thực hiện NTTTKT tại các công ty phi tài chính niêm yết trên TTCK Việt Nam (CON-ACC) và qua thực tế công bố thông tin BCTC trước và sau khi kiểm toán của các DN, tác giả nhận thấy các CTNY còn chưa thực sự quan tâm và thực hiện đúng, đầy đủ NTTTKT. Rất nhiều trường hợp vì không tuân thủ nguyên tắc thận trọng nên ghi nhận doanh thu, chi phí, tài sản và công nợ chưa đúng thực tế, ảnh hưởng đến chất lượng BCTC. Sự chênh lệch giữa thông tin BCTC trước và sau kiểm toán, do ảnh hưởng của việc tuân thủ NTTTKT ngày càng nhiều về số lượng và giá trị. Vì vậy, tác giả đưa ra một số kiến nghị như sau:

- Các DN cần nhận thức đúng đắn hơn về nội dung, ý nghĩa và vai trò của việc thực hiện NTTTKT, đảm bảo tính "hữu ích" của thông tin tài chính. Trong quá trình hạch toán kế toán, cần lưu ý không đánh giá quá khả quan giá trị các khoản doanh thu để ghi nhận đúng theo quy định. Cuối kỳ, khi lập BCTC cần cân

Đồ thị 2: Biến động mức min CON-ACC qua các năm



Đồ thị 3: Biến động mức max CON-ACC qua các năm



nhắc và ước tính một cách đầy đủ, hợp lý giá trị tài sản để lập dự phòng trong trường hợp cần thiết, dựa vào tuổi nợ để trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo đúng quy định.

- Về phía Sở Giao dịch chứng khoán: Cần quản lý chặt hơn quá trình công bố thông tin của các CTNY, yêu cầu chặt chẽ hơn về bản giải trình của DN trong trường hợp có sự chênh lệch thông tin BCTC trước và sau kiểm toán. Nếu trong trường hợp, các DN không áp dụng NTTTKT gây hậu quả nghiêm trọng ảnh hưởng lớn đến quyết định đầu tư của các nhà đầu tư, thì cần có đề xuất với cơ quan quản lý để có hình thức xử lý.

- Về phía nhà đầu tư: Cần quan tâm đến BCTC của các CTNY trong thời gian dài để thấy được sự thay đổi kết quả kinh doanh của DN qua các năm, xem xét nguyên nhân của sự thay đổi đó có phải do DN không thực hiện đầy đủ việc trích lập dự phòng hay xuất phát

từ những rủi ro mà DN có thể lường trước được nhưng không công bố cho nhà đầu tư. ■

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tài chính, 26 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, NXB Lao Động, 2011
2. Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009
3. Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009
4. Vietstock.com.vn
5. Ahmed, A., & Duellman, S. (2007), "Accounting conservatism and board of directors characteristics: An empirical analysis", *Journal of Accounting and Economics*, 43(1), 411-437
6. Ball, R., & Shivakumar, L. (2005), "Earnings quality in UK private firms: Comparative loss recognition timeliness", *Journal of Accounting and Economics*, 39(1), 83-128.
7. Givoly, D., & Hayn, C. (2000), "The changing time-series properties of earnings, cash flows and accruals. Has financial reporting become more conservative?", *Journal of Accounting and Economics*, 29(1), 287-320.